

HƯỚNG DẪN
NGHIỆP VỤ
THUẾ
NĂM 2014



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ THUẾ
NĂM 2014**

QUÍ LÂM – KIM PHƯỢNG
(Sưu tầm và hệ thống hóa)

**HƯỚNG DẪN
NGHIỆP VỤ THUẾ
NĂM 2014**

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

LỜI NÓI ĐẦU

Chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế, nhiều doanh nghiệp trong nước đang đứng trên bờ vực phá sản trong khi giá cả đầu vào, lãi suất, tiền lương, các loại thuế... tăng cao. Vì vậy, năm 2014, nhiều chính sách thuế mới được thay đổi bắt đầu có hiệu lực như về luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân... điều đó thể hiện rõ ý chí và quyết tâm của Nhà nước đã đồng hành cùng doanh nghiệp, cùng thấu hiểu để có nhiều điều luật hóa giúp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và tăng cường huy động vốn ngân sách nhà nước cho các mục tiêu phát triển, bảo đảm sự công bằng giữa các thành phần kinh tế, khuyến khích sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thuế là chính sách tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, vì thế việc nắm bắt các thay đổi những điều luật về thuế là vấn đề trọng tâm của tất cả các doanh nghiệp. Với mục đích, góp phần tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các chính sách mới nhất về nghiệp vụ thuế, Nhóm biên tập biên soạn cuốn sách: **"HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ THUẾ NĂM 2014"**.

Nội dung cuốn sách bao gồm những phần chính sau:

Phần I. Cơ sở pháp luật áp dụng trong công tác quản lý thuế hiện nay

Phần II. Quy trình quản lý đăng ký thuế và thanh tra thuế

Phần III. Hướng dẫn mới về nghiệp vụ thuế thu nhập doanh nghiệp

Phần IV. Hướng dẫn mới về nghiệp vụ thuế giá trị gia tăng

Phần V. Hướng dẫn mới về nghiệp vụ thuế thu nhập cá nhân

Phần VI. Hướng dẫn mới về nghiệp vụ thuế xuất nhập khẩu

Phần VII. Xử phạt vi phạm và cưỡng chế thi hành trong lĩnh vực thuế

Nội dung cuốn sách được sắp xếp trình tự thời gian và có giá trị thực tiễn, hy vọng cuốn sách này sẽ giúp Lãnh đạo doanh nghiệp, các cơ quan thuế và các cán bộ làm công tác thuế tìm hiểu, thực hiện đúng chính sách pháp luật.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách đến cùng bạn đọc.

NHÓM BIÊN TẬP

Phần I

CỞ SỞ PHÁP LUẬT ÁP DỤNG TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ HIỆN NAY

1. THÔNG TƯ SỐ 156/2013/TT-BTC NGÀY 06-11-2013 CỦA BỘ TÀI CHÍNH **Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung** **một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP** **ngày 22/7/2013 của Chính phủ**

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ các Luật, Pháp lệnh, Nghị định về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế theo quy định của pháp luật về thuế; các khoản phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí; các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế nội địa quản lý thu (sau đây gọi chung là thuế).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế bao gồm:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp thuế, phí, lệ phí hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

c) Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế;

d) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, bao gồm:

d.1) Tổ chức, cá nhân là bên Việt Nam ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh

doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu;

d.2) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế khi chi trả thu nhập cho người có thu nhập thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân;

đ) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, bao gồm:

- Người điều hành đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng chia sản phẩm.

- Công ty điều hành chung đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng điều hành chung.

- Doanh nghiệp liên doanh đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng liên doanh hoặc Hiệp định liên Chính phủ.

- Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam đối với trường hợp Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam tự tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu thô, khí thiên nhiên.

2. Cơ quan thuế gồm: Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế;

3. Công chức thuế;

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế.

Điều 3. Nội dung quản lý thuế hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm

1. Khai thuế, tính thuế;

2. Ấn định thuế;

3. Nộp thuế;

4. Ủy nhiệm thu thuế;

5. Trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế;

6. Thủ tục miễn thuế, giảm thuế; xóa nợ tiền thuế, tiền phạt;

7. Thủ tục hoàn thuế, bù trừ thuế;

8. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế, quản lý rủi ro về thuế;

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện liên quan đến thực hiện pháp luật thuế.

Điều 4. Phạm vi và nội dung quản lý thuế không bao gồm trong Thông tư này

1. Các quy định về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Nội dung quản lý thuế về đăng ký thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

Điều 5. Văn bản giao dịch với cơ quan thuế

1. Văn bản giao dịch với cơ quan thuế bao gồm tài liệu kèm theo hồ sơ thuế, công văn, đơn từ và các tài liệu khác do người nộp thuế, tổ chức được ủy nhiệm thu thuế và các tổ chức, cá nhân khác gửi đến cơ quan thuế. Đối với những văn bản, hồ sơ phải nộp cơ quan thuế theo quy định thì người nộp thuế nộp 01 bộ.

2. Văn bản giao dịch với cơ quan thuế phải ký, ban hành đúng thẩm quyền; thể thức văn bản, chữ ký, con dấu trên văn bản phải thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư.

3. Văn bản giao dịch với cơ quan thuế được thực hiện thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.